

Số: /BC-UBND

Krông Nô, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2024; phương hướng thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Kính gửi: HĐND huyện khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện Thông báo số 39/TB-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về kết quả Hội nghị liên tịch chuẩn bị kỳ họp thứ 8 HĐND huyện Khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm năm 2024; phương hướng thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

I. Tình hình thực hiện công tác đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2024

1. Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2024

- UBND huyện đã trình cho HĐND huyện thông qua kế hoạch vốn đầu tư đầu tư phát triển năm 2024 (tại Nghị quyết số 192/NQ-HĐND ngày 18/12/2023); giao mục tiêu nhiệm vụ và dự toán ngân sách thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô năm 2024 (tại Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 18/12/2023); giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (tại Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 19/12/2023) và giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô năm 2024 (tại Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 19/12/2023). Đồng thời, chỉ đạo thực hiện và tăng cường quản lý Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 (tại Công văn số 2668/UBND-TCKH ngày 19/12/2024).

- Ngày từ đầu năm, xác định nhiệm vụ đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên của các cấp, các ngành, UBND huyện đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư triển khai thực hiện ngay từ đầu năm kế hoạch cụ thể như sau:

+ Công văn số 253/UBND-VP ngày 31/01/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Krông Nô.

+ Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 29/01/2024 triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn huyện Krông Nô.

+ Các Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn các xã: Năm Nung, Tân Thành, Buôn Choah; Đăk Sôr; Đứk Xuyên; Đăk Drô; Đăk Nang; Quảng Phú, Nam Đà, Năm N'Đir, Nam Xuân.

+ Công văn số 351/UBND-TCKH ngày 23/02/2024 về việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 và các Chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 01/3/2024 kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư năm 2024 và kiểm tra, giám sát thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện năm 2024;

+ Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 04/3/2024 về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Krông Nô năm 2024;

+ Công văn số 664/UBND-TCKH ngày 02/5/2024 về việc đôn đốc các đơn vị lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và vốn các chương trình MTQG;

Hàng tháng UBND huyện đều tổ chức các cuộc họp nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục đầu tư, thi công và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện, Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các các đầu tư, các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục đầu tư, quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo chất lượng theo thiết kế, thực hiện các dự án, tiểu dự án của từng chương trình mục tiêu đảm bảo quy định và giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các chủ đầu tư, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, nhà thầu triển khai các dự án, công trình được thuận lợi nhất.

- Bố trí kế hoạch vốn tập trung theo quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn, các dự án dự kiến cần phải hoàn thành năm 2024, sau đó nếu còn vốn mới bố trí cho các dự án mới, các dự án mới phải là các dự án thực sự cấp thiết. Việc phân bổ các nguồn vốn giao đầu năm, bổ sung trong 6 tháng đầu năm 2024 được triển khai kịp thời để các chủ đầu tư tranh thủ mùa khô, sớm triển khai thực hiện.

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thường xuyên được tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm thực hiện đúng quy trình, trình tự, công khai, minh bạch, đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

2. Tiến độ, kết quả triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, quyết toán công trình hoàn thành

2.1. Công tác triển khai thực hiện các dự án, công trình khởi công mới năm 2024

Đến hết ngày 13/6/2024 có 21 công trình chuyển tiếp và 11 công trình khởi công mới thuộc các nguồn vốn NS tỉnh, Nguồn vốn CTMTQG, NS huyện. Trong đó: Các công trình khởi công mới trong năm 2024 đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật là 03 công trình, còn 8 công trình các chủ đầu tư đến nay vẫn chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư (bước phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật) và 02 công trình đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đang triển khai lựa chọn nhà thầu.

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

2.2. Công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

Đến hết ngày 13/6/2024 đã thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán được 14 hồ sơ quyết toán công trình với tổng giá trị quyết toán là 11.258 triệu đồng, giảm so với giá trị đề nghị của Chủ đầu tư là 30,436 triệu đồng, tỷ lệ giảm 0,29% giá trị đề nghị quyết toán. Hiện còn 61 hồ sơ chưa được phê duyệt quyết toán, trong đó: Tổng số hồ sơ các chủ đầu tư đã gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 14 công trình đang trong thời gian thẩm định; số công trình đến hạn và quá hạn quyết toán nhưng các chủ đầu tư chưa nộp hồ sơ quyết toán là 47 công trình, trong đó: Công trình do huyện thẩm tra và phê duyệt quyết toán là 07 công trình; công trình do xã thẩm tra và phê duyệt quyết toán là 40 công trình, gồm công trình (theo Công văn số 1177/UBND-TCKH ngày 04/6/2024). Để làm cơ sở xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ và UBND tỉnh, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các chủ đầu tư hoàn tất hồ sơ quyết toán.

(Chi tiết theo phụ lục 02, 02a kèm theo).

3. Tình hình giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 và kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia:

3.1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

Tổng kế hoạch vốn đầu tư XD CB được giao năm 2024 là 84.313 triệu đồng (Bao gồm cả nguồn ngân sách tỉnh quản lý và phân bổ là 42.199 triệu đồng; nguồn vốn ngân sách huyện quản lý và phân bổ là 40.872 triệu đồng; nguồn vốn ngân sách xã quản lý và phân bổ: 1.242 triệu đồng).

3.2. Kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia

3.2.1. Kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022

Tổng dự toán ngân sách nhà nước giao thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là 76.087 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 55.103 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 41.941 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 13.162 triệu đồng),

ngân sách địa phương: 20.984 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 17.493 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 3.491 triệu đồng). Cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 31.575 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 30.030 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 23.024 triệu đồng, vốn sự nghiệp 7.006 triệu đồng); Vốn ngân sách địa phương là 1.545 triệu đồng (vốn đầu tư là 444 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 1.101 triệu đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 6.888 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 6.261 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 2.075 triệu đồng, vốn sự nghiệp 4.186 triệu đồng), vốn ngân sách địa phương là 627 triệu đồng (vốn đầu tư 207 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 420 triệu đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 37.624 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 18.812 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 16.842 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 1.970 triệu đồng), vốn ngân sách địa phương là 18.812 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 16.842 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 1.970 triệu đồng).

3.2.2. Kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023

Tổng dự toán ngân sách nhà nước giao thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là 102.227 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 77.783 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 44.934 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 32.849 triệu đồng), ngân sách địa phương: 24.444 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 16.515 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 7.929 triệu đồng). Cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 40.077 triệu đồng, Vốn ngân sách trung ương là 36.486 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 17.095 triệu đồng, vốn sự nghiệp 19.391 triệu đồng); Vốn ngân sách địa phương là 3.591 triệu đồng (vốn đầu tư là 472 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.119 triệu đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 13.491 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 12.265 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 2.657 triệu đồng, vốn sự nghiệp 9.608 triệu đồng), vốn ngân sách địa phương 1.226 triệu đồng (vốn đầu tư 266 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 960 triệu đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 48.659 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 29.032 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 25.182 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.850 triệu đồng), vốn ngân sách địa phương 19.627 triệu đồng (vốn đầu tư 15.777 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.850 triệu đồng)

3.2.3. Kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

Tổng dự toán thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là: 73.654 triệu đồng (bao gồm: Vốn đầu tư phát triển: 46.992 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 26.662 triệu đồng); trong đó: phân bổ 73.285 triệu đồng, còn lại 369 triệu đồng từ nguồn ngân sách trung ương chưa thực hiện phân bổ, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tổng dự toán ngân sách nhà nước là 27.081; trong đó phân bổ là 26.712 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 17.993 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 8.719 triệu đồng), còn lại 369 triệu đồng (vốn sự nghiệp) chưa thực hiện phân bổ.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 13.424 triệu đồng, bao gồm: Vốn đầu tư phát triển 236 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 13.188 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 33.149 triệu đồng, bao gồm: Vốn đầu tư phát triển: 28.763 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 4.386 triệu đồng.

4. Tình hình thực hiện và giải ngân nguồn vốn

4.1. Tình hình, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2024:

Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư đến 13/6/2024 là 36.225/84.313 triệu đồng, đạt 42,97% KH vốn và đạt 54,17% vốn đã bố trí (36.255/66.868 triệu đồng); Ước thực hiện đến 30/6/2024 là 57.856/84.313 triệu đồng, đạt 68,62% và đạt 86,52% vốn đã bố trí (57.856/66.868 triệu đồng). Trong đó:

- Nguồn vốn tỉnh quản lý và phân bổ: 22.748/42.199 triệu đồng, đạt 53,91% và đạt 53,91% vốn đã bố trí (22.748/42.199 triệu đồng); Ước giải ngân đến 30/6/2024 là 37.503/42.199 triệu đồng, đạt 88,87% và đạt 88,87% vốn đã bố trí (37.503/42.199 triệu đồng).

- Nguồn vốn huyện quản lý và phân bổ là: 13.477/40.872 triệu đồng, đạt 32,97% KH vốn và đạt 57,53% vốn đã bố trí (13.477/23.427 triệu đồng); Ước thực hiện đến 30/6/2024 là 19.783 triệu đồng, đạt 48,4% KH vốn và đạt 84,44% vốn đã bố trí 19.783/23.427 triệu đồng).

+ Nguồn vốn tỉnh phân cấp hằng năm là 9.925/14.819 triệu đồng, đạt 66,97% KH vốn và đạt 66,97% KH vốn đã bố trí (9.925/14.819 triệu đồng); Ước thực hiện đến 30/6/2024 là 12.755/14.819 triệu đồng, đạt 86,07% KH vốn và đạt 86,07% vốn đã bố trí (12.755/14.819 triệu đồng).

+ Nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện (nguồn vốn thu tiền sử dụng đất; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ) là 3.553/26.043 triệu đồng, đạt 13,64% kế hoạch vốn và đạt 41,27% vốn đã bố trí (3.553/8.608 triệu đồng); Ước thực hiện đến 30/6/2024 là 7.028/26.043 triệu đồng, đạt 26,97% KH vốn và đạt 81,64% vốn đã bố trí (7.028/8.608 triệu đồng).

- Nguồn vốn ngân sách xã phân bổ và quản lý là 0/1.242 triệu đồng, đạt 0% KH vốn; Ước thực hiện đến 30/6/2024 là 571/1.242 triệu đồng, đạt 45,95% KH vốn và đạt 45,95% vốn đã bố trí (571/1.242 triệu đồng).

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

4.2. Tình hình, tiến độ giải ngân các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia

4.2.1. Tình hình giải ngân vốn năm 2022

- Tình hình giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 lũy kế đến hết ngày 13/6/2024 là 69.898/76.087 triệu đồng, đạt 91,87% kế hoạch vốn; Ước thực hiện giải ngân lũy kế đến ngày 30/6/2024 là 69.898/76087 triệu đồng, đạt 91,87% kế hoạch vốn: cụ thể:

- CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giải ngân lũy kế đến ngày 13/6/2024 được 27.669/31.575 triệu đồng, đạt 87,63% kế hoạch vốn; Ước giải ngân lũy kế đến ngày 30/6/2024 được 27.669/31.575 triệu đồng, đạt 87,63% kế hoạch vốn.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Giải ngân lũy kế đến ngày 13/6/2024 là 6.690/6.888 triệu đồng, đạt 97,12% kế hoạch vốn; Ước giải ngân đến lũy kế ngày 30/6/2024 là 6.690/6.888 triệu đồng, đạt 97,12% kế hoạch vốn.

- CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Lũy kế giải ngân đến ngày 13/6/2024 là 35.538/37.624 triệu đồng, đạt 94,46% kế hoạch vốn. Ước giải ngân lũy kế đến ngày 13/6/2024 là 35.538/37.624 triệu, đạt 94,46% kế hoạch vốn.

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

4.2.2. Tình hình giải ngân vốn năm 2023

Tình hình giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 lũy kế đến hết ngày 13/6/2024 là 72.049/102.227 triệu đồng, đạt 70,48%, Ước giải ngân lũy kế đến 30/6/2024 là 75.824/102.227 triệu đồng, đạt 74,17% kế hoạch vốn. Cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện giải ngân lũy kế đến hết ngày 13/6/2024 là 28.492/40.077 triệu đồng, đạt 71,09%; ước giải ngân lũy kế đến 30/6/2024 là 29.590/40.077 triệu đồng, đạt 73,83% kế hoạch vốn.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện giải ngân lũy kế đến hết ngày 13/6/2024 là 9.482/13.491 triệu đồng, đạt 70,28%; Ước giải ngân lũy kế đến 30/6/2024 là 9.634/13.491 triệu đồng, đạt 71,41% kế hoạch vốn.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giải ngân lũy kế đến hết ngày 13/6/2024 là 34.075 triệu đồng, đạt 70,03%; ước giải ngân đến 30/6/2024 là 36.600 triệu đồng, đạt 75,22% kế hoạch vốn.

(Chi tiết có phụ lục 01 đính kèm).

4.2.3. Tình hình giải ngân vốn năm 2024

Tình hình thực hiện giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 lũy kế đến ngày 13/6/2024 được 3.101/73.654 triệu đồng, đạt 4,21%; Ước giải ngân lũy kế đến hết ngày 30/6/2024 là 11.592/73.654 triệu đồng, đạt 15,74%. Cụ thể:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giải ngân lũy kế đến hết ngày 13/6/2024 là

2.200/27.081 triệu đồng, đạt 8,12%; Ước thực hiện giải ngân lũy kế đến hết ngày 30/6/2024 là 5.480/27.081 triệu đồng, đạt 20,24%.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giải ngân lũy kế đến hết ngày 13/6/2024 là 59/13.424 triệu đồng, đạt 0,44%; Ước thực hiện giải ngân lũy kế đến hết ngày 30/6/2024 là 254/13.424 triệu đồng, đạt 1,89%.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giải ngân lũy kế đến ngày 13/6/2024 là 843/33.149 triệu đồng, đạt 2,39%, Ước thực hiện giải ngân lũy kế đến hết ngày 30/6/2024 là 5.859/33.149 triệu đồng, đạt 17,67%.

(Chi tiết theo phụ lục 05 đính kèm)

II. Một số kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đến hết năm kế hoạch:

1. Kết quả đạt được

- Việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công và các Chương trình MTQG nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Trung ương, Tỉnh, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện và các cấp chính quyền ở địa phương. Huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã chủ động, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công và các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện và đạt được những kết quả nêu trên.

- Về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 giải ngân đến ngày 13/6/2024 là 36.225/84.313 triệu đồng, đạt 42,97% KH vốn và đạt 54,17% vốn đã bố trí (36.255/66.868 triệu đồng)

- Đối với các nguồn vốn Chương trình MTQG tình hình thực hiện và giải ngân vốn năm 2022 lũy kế giải ngân đến hết ngày 13/6/2024 là 69.898 triệu đồng, đạt 91,87% kế hoạch vốn; vốn năm 2023 lũy kế giải ngân đến ngày 13/6/2024 là 72.049/102.227 triệu đồng, đạt 70,48% kế hoạch vốn. Vốn năm 2024 đến ngày 13/6/2024 giải ngân được 3.101/73.654 triệu đồng, đạt 4,21% kế hoạch vốn.

2. Tồn tại, hạn chế: Bên cạnh những kết quả đạt được đến ngày 13/6/2024 như trên thì vẫn còn nhiều tồn tại và hạn chế như sau:

2.1. Về đầu tư công

- Các công trình khởi công mới trong năm 2024 đến ngày 13/6/2024 còn nhiều công trình các chủ đầu tư chưa hoàn thành bước lập hồ sơ và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Một số công trình thanh toán nợ chưa giải đạt 100% kế hoạch vốn là do hết nhu cầu thanh toán như: Trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang dư: 307.216.000 đồng và Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành dư: 132.636.000 đồng và chủ đầu tư đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp điều chỉnh, bổ sung số vốn trên sang cho công trình Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô huyện Krông Nô.

- Một số công trình chuyên tiếp chưa giải ngân hoặc giải ngân nhưng tỷ lệ đạt rất thấp là do các chủ đầu tư chậm làm thủ tục thanh toán; một số công trình còn vướng công tác giải phòng mặt bằng như: Công trình: Đường N6, Đ3 xã Đắc Nang, Đường giao thông phát triển khu đô thị mới và một số công trình do tạm ngừng để điều chỉnh như công trình: Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ căn cứ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Năm Nung, tỉnh Đắc Nông, công trình: Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắc Nông tại điểm số 8 (núi lửa năm Kar) và điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa).

2.2. Về các Chương trình mục tiêu quốc gia

- Kế hoạch vốn năm 2022 và năm 2023 đến nay vẫn chưa giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đã giao là do một số dự án tiểu dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu đã hết đối tượng thụ hưởng và một số tiểu dự án chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể như tiểu dự án 1, dự án 9 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng núi và tiểu dự án 1 của dự án 4 Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững khi triển khai thực hiện gặp khó khăn do chưa có văn bản chính thức của Chính phủ quy định việc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có chức năng làm công tác đào tạo nghề nghiệp, chức năng giáo dục thường xuyên. Qua đó cũng làm ảnh hưởng đến việc quy định định mức kinh tế kỹ thuật trang thiết bị đào tạo nghề và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề trình độ sơ cấp dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh nói chung và địa bàn huyện Krông Nô nói riêng. Do đó cũng ảnh hưởng đến quá trình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

- Kế hoạch vốn năm 2024 đến nay việc triển khai các thủ tục đầu tư để thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần của từng chương trình mục tiêu quốc gia của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn Đắc Mâm quá chậm dẫn đến nguồn vốn năm 2024 giải ngân quá thấp mới đạt 4,21%.

2.3. Về chấp hành chế độ báo cáo và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Các chủ đầu tư chưa chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo hàng tuần, hàng tháng theo đúng thời gian quy định. Báo cáo của các chủ đầu tư chưa kịp thời và thường xuyên, số liệu không đầy đủ, đôi lúc còn mang tính hình thức, thiếu thông tin chi tiết, chưa báo cáo đánh giá tiến độ thực hiện vốn đầu tư công, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, thiếu kiến nghị và đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Công tác triển khai lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành của các chủ đầu tư, UBND các xã, thị trấn quá chậm so với quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP, các chủ đầu tư, UBND các xã chưa thực sự quan tâm đơn đốc đơn vị thi công, đơn vị tư vấn, công chức phụ trách để hoàn thiện hồ sơ quyết toán; chưa thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của UBND huyện trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đưa vào sử dụng.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Các văn bản quy định, hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng liên tục thay đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu gia của cấp trên còn chậm (văn bản hướng dẫn thực hiện tiểu dự án 1, dự án 9 chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến nay chưa có hướng dẫn), chưa cụ thể, rõ ràng, chưa đồng bộ nên việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của các chương trình mục tiêu quốc gia ở địa phương còn lúng túng, chậm dẫn đến việc giải ngân kế hoạch vốn còn chậm dẫn đến các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, chủ đầu tư chưa kịp thời nắm bắt, gây lúng túng cho các cơ quan chuyên môn ở địa phương và các chủ đầu tư trong việc triển khai các quy định, do đó phần nào đã làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, giải ngân nguồn vốn.

- Năng lực của một số chủ đầu tư còn nhiều hạn chế, đặc biệt là các xã, thị trấn; thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đơn vị tư vấn, thi công hoàn thành hồ sơ, đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành.

- Công tác triển khai lập hồ sơ, thủ tục đầu tư của các chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn Đăk Mâm được giao kế hoạch vốn triển khai thực hiện chậm dẫn đến nguồn vốn giải ngân thấp.

- Công tác tuyên truyền, vận động trong công tác bồi thường người dân chưa thực sự thuyết phục trong công tác bồi thường GPMB, nên việc triển khai công tác bồi thường GPMB gặp nhiều khó khăn, tiến độ bồi thường GPMB kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư.

4. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đến hết năm kế hoạch

- Nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng và tuân thủ đúng các quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Triển khai bám sát hướng dẫn thực hiện kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 theo tại 2668/UBND-TCKH ngày 19/12/2023 của UBND huyện; các văn bản đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công và nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản đôn đốc quyết toán dự án hoàn thành.

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn các Chủ đầu tư cần tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc cán bộ phụ trách các tiểu dự án, dự án từng chương trình mục tiêu quốc gia, các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thi công; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hợp đồng. Trường hợp gặp khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phải báo cáo ngay cho UBND huyện để kịp thời tháo gỡ. Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân của các dự án, các chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định về UBND huyện (*qua phòng Tài chính - Kế hoạch*).

- Các chủ đầu tư thực hiện hoàn ứng đối với số dư nợ tạm ứng và hoàn thành giải ngân nguồn vốn kéo dài năm trước chuyển sang; tăng cường hỗ trợ,

hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thanh toán để đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch được giao.

- Đôn đốc các chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng để thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định. Kịp thời thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình hoàn thành để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Đẩy nhanh tiến độ thẩm định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, đảm bảo không để hồ sơ quá hạn quyết toán; đảm bảo đến hết năm 2024 không còn tình trạng hồ sơ quá thời hạn quyết toán DAHT.

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện cắt giảm kế hoạch vốn năm 2024 của các dự án triển khai chậm tiến độ, chậm giải ngân vốn theo nguyên tắc: Đối với các dự án khởi công mới nếu đến hết tháng 9/2024 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 60% kế hoạch hoặc đến hết tháng 10/2024 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 70% kế hoạch, thì cắt giảm vốn để bổ sung cho các dự án khác. Đối với dự án chuyển tiếp đến hết tháng 6/2024 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 70% kế hoạch hoặc đến hết tháng 9/2024 tỷ lệ giải ngân đạt dưới 80% kế hoạch thì cắt giảm vốn để bổ sung cho các dự án khác.

- Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao hỗ trợ các xã, thị trấn trong công tác thẩm định hồ sơ xây dựng công trình thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn ngân sách xã đẩy nhanh tiến độ thẩm định để cho các xã, thị trấn triển khai các bước tiếp theo và kịp thời gian giải ngân kế hoạch vốn đúng kế hoạch.

- Tập trung các biện pháp để chủ động tạo nguồn và tăng thu ngân sách; đẩy nhanh tiến độ tổ chức bán đấu giá quỹ đất để đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư.

III. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025

Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 là 129.416 triệu đồng. Bao gồm các nguồn sau:

(1) Nguồn vốn tập trung tỉnh phân cấp cho huyện: 22.916 triệu đồng. (Theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh giao phân cấp về cho huyện giai đoạn 2021-2025 là 81.457 triệu đồng (số tỉnh đã cấp về cho huyện giai đoạn 2021-2024 là 58.541 triệu đồng)

(2) Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện: 91.500 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 91.500 triệu đồng, trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất là 58.500 triệu đồng, vốn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao 33.000 triệu đồng. (Đã trừ đi 10% kinh phí đo đạc đưa vào nguồn vốn sự nghiệp).

(3) Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ dự kiến: 15.000 triệu đồng.

2. Dự kiến Phương án phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện:

- Đối với nguồn vốn tập trung tỉnh phân cấp cho huyện, dự kiến bố trí thanh toán nợ là 4.706 triệu đồng, bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2025 là 18.210 triệu đồng.

- Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách huyện, dự kiến bố trí thanh toán nợ là 950 triệu đồng, bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2025 là 48.132 triệu đồng (trong đó công trình Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm được bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao 33.000 triệu đồng); Bố trí hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia là 10.915 triệu đồng; Bố trí để chuyển về quỹ đất tỉnh là 31.503 triệu đồng (trong đó bố trí hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1) và năm trước chưa trích về Quỹ phát triển đất tỉnh là 18.503 triệu đồng).

- Đối với nguồn vốn tỉnh hỗ trợ, dự kiến bố trí thanh toán nợ là 3.800 triệu đồng, bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2025 là 11.200 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục 06 kèm theo).

IV. Kiến nghị đề xuất

- Để triển khai và giải ngân các nguồn năm năm 2022, 2023 của các dự án, tiểu dự án chưa triển khai thực hiện do đang vướng mắc về văn bản hướng dẫn như tiểu dự án 1, dự án 9, CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và tiểu dự án 1, dự án 4 của CTMTQG giảm nghèo bền vững (vốn đầu tư). UBND huyện Krông Nô kính đề nghị UBND tỉnh kiến nghị trung ương ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể để địa phương triển khai thực hiện.

- Để giải ngân nguồn vốn năm 2022 và năm 2023 đạt hiệu quả, kính đề nghị các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Dân tộc sớm tổng hợp và trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh điều chỉnh dự toán các dự án, tiểu dự án của các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 và năm 2023 UBND huyện Krông Nô đã đề xuất tại Công văn số 391/UBND-TCKH ngày 29/02/2024.

- Đề nghị UBND tỉnh bổ sung nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh (vốn đầu tư) năm 2022 với số tiền là 134 triệu đồng, trong đó: CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 133 triệu đồng; CTMTQG giảm nghèo bền vững là 1 triệu đồng để huyện thực hiện đối ứng và triển khai các nhiệm vụ thuộc.

- Đối với 02 công trình được bố trí vốn để thanh toán nợ, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại đã thanh toán xong, vốn còn dư là: 439.852.000 đồng, cụ thể từng công trình là: Trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang dư: 307.216.000 đồng và Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành dư: 132.636.000 đồng. Kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp điều chỉnh, bổ sung số vốn trên sang cho công trình Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô huyện Krông Nô.

- Kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Xây dựng sớm phê duyệt điều chỉnh dự án Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ căn cứ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Nậm Nung, tỉnh Đắk Nông và dự án Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại điểm số 8 (núi lửa Nậm Kar) và điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa) để chủ đầu tư có sở triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn đảm bảo tỷ lệ theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh.

- Đề nghị các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư công trình, các tiểu dự án, dự án để triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm năm 2024; phương hướng thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của UBND huyện Krông Nô.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- Sở Xây dựng;
- Ban Dân tộc;
- Sở NN&PTNT;
- Sở LĐTB&XH;
- TT. Huyện ủy;
- HĐND huyện;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

} b/c

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Danh

PHỤ LỤC SỐ 01
TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH MỞ MỚI 2023

STT	Tên Công trình/ Dự án	Tiến độ thực hiện												Ghi chú
		Tháng 1/2024	Tháng 2/2024	Tháng 3/2024	Tháng 4/2024	Tháng 5/2024	Tháng 6/2024	Tháng 7/2024	Tháng 8/2024	Tháng 9/2024	Tháng 10/2024	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	
I	<u>NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ</u>													
1	Công trình chuyển tiếp													
1.1	Đường giao thông từ Nam Đà đi xã Đăk Drô, huyện Krông Nô (ĐH 65)	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.2	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10) huyện Krông Nô	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.3	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV(1959-1975) tại Năm Nung tỉnh ĐăkNông	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.4	Đường giao thông xã ĐăkDrô đi xã Tân Thành huyện Krông Nô(ĐH66)	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.5	Trụ sở HỘND&UBND xã Tân Thành	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.6	Hồ Đăk Ri 2 xã Tân Thành huyện Krông Nô	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.7	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đăk Mâm huyện Krông Nô	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.8	Đường giao thông từ thị trấn ĐăkMâm đi xã Năm Nung và xã Năm Nđir huyện Krông Nô(ĐH57)	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.9	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông tại điểm số 8 (núi lửaNăm Kar) và điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa)	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
II	<u>NGUỒN VỐN HUYỆN QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ</u>													
1	Công trình chuyển tiếp													
1.1	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choah	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.2	Đường Võ Văn Kiệt và đường Trần Hưng Đạo, hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.3	Đường từ thôn Xuyên Hà đến cổng ngầm Đăk Nang	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.4	Đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.5	Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.6	Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dự	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.7	Chính trang hệ thống via hệ, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị Đăk Mâm	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							
1.8	Trụ sở làm việc công an xã Nam Đà	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công	Đang thi công							

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐẾN NGÀY 31/12/2023

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Loại dự án	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Ghi chú
			Số dự án	TMĐT được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu		
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11		
A	Tổng cộng (I+II)	28	28	52,405	1.013,936	49,490	11,258	35,430	(0,006)	-	
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán	14	14	12,272	1.000,800	11,289	11,258	11,264	(0,006)	-	
1	Dự án hoàn thành từ các năm trước	14	14	12,272	1.000,800	11,289	11,258	11,264	(0,006)	-	
1.1	xây mới công trình cấp nước xã Quảng Phú- Đăk Nang, huyện Krông Nô	1	1	0,195		0,194	0,194	0,194	0,001		
1.2	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh nội đồng cánh đồng Buôn K62 xã Đăk Dro	1	1	1,174		1,131	1,124	1,131	(0,007)		
1.3	Khu vực nhà máy thủy điện Buôn TuaSah; Hạng mục: Sạt lở (đợt 6) trên địa bàn xã Năm NĐir	1	1	0,175		0,175	0,175	0,175	-		
1.4	Đường giao thông lên thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh tại xã Đức Xuyên	1	1	5,500		5,088	5,060	5,060	-		
1.5	Trường mầm non Vàng Anh. Hạng mục: Sửa chữa sân trường	1	1	1,200		1,010	1,010	1,010	-		
1.6	sửa chữa trụ sở làm việc chính, khu nhà giao dịch, nhà xe ô tô và hạ tầng kỹ thuật, sân bê tông, công, tường rào, bồn hoa	1	1	1,100		0,9995	0,9995	0,9995			
1.7	BĐường bê tông giao thông nông thôn từ nhà ông Quyền thôn Thanh Thái đến đường đi thôn Tân Lập 3 tầng	1	1	0,110		0,1034	0,1034	0,1034			

STT	Loại dự án	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định							Ghi chú	
			Số dự án	TMDT được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu		
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương				Tổng số		Trong đó: Ngân sách trung ương
1.8	Đường bê tông giao thông nông thôn từ nhà ông Phạm Văn Hiền đến nhà ông Nguyễn Công Nhân	1	1	0,206		0,1931	0,1974	0,1974			
1.9	Đường bê tông giao thông nông thôn từ nhà ông Bùi Thanh Thủy đến nhà ông Nguyễn Tiến Đỗi	1	1	0,343		0,3201	0,3201	0,3201			
1.10	Đường bê tông giao thông nông thôn từ đường nhựa làng cà thôn Tân Lập đến nhà bà Ngô Thị Thanh	1	1	0,110		0,1034	0,1034	0,1034			
1.11	Đường bê tông giao thông nông thôn từ rẫy nhà ông Lưu Văn Huân đến rẫy nhà ông Đinh Xuân Ngọc	1	1	0,270		0,2506	0,2506	0,2506			
1.12	Đường bê tông giao thông nông thôn từ nhà ông Lưu Văn Hùng đến nhà ông Bùi Thanh Phương	1	1	0,088		0,0822	0,0822	0,0822			
1.13	Đường nội bon Ja Rãnh - Bon Rcập xã Năm Nung. Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa	1	1	1,000	1.000,000	0,8871	0,8871	0,8871			
1.14	Trường mầm non Anh Đào. Hạng mục: Sửa chữa 10 phòng học và 02 phòng chức năng	1	1	0,800	0,800	0,7516	0,7516	0,7516			
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo										
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán	14	14	40,133	13,136	38,201	-	24,165	-	-	
1	Dự án hoàn thành các năm trước	11	11	31,434	10,636	29,895	-	17,153	-	-	
1.1	Trung tâm thông tin công viên địa chất huyện Krông Nô	1	1	6,000		5,952		5,925			Đơn vị chưa bổ sung hồ sơ
1.2	Dự án định canh định cư tập trung xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	1	1	8,600	8,600	8,242					
1.3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	1	1	2,239	2,036	2,064					

STT	Loại dự án	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định							Ghi chú	
			Số dự án	TMDT được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu		
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương				Tổng số		Trong đó: Ngân sách trung ương
1.4	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quặng đất (khu vực cánh đồng La Trao)	1	1	2,775		2,323					
1.5	Trường TH Bế Văn Đàn; Nâng cấp, sửa chữa cổng, tường rào	1	1	0,869		0,709		0,684			
1.6	Trường THCS Quảng Phú; Nâng cấp, sửa chữa cổng tường rào	1	1	1,040		1,004		0,968			
1.7	Trụ sở làm việc công an xã Năm Nung	1	1	2,000		1,965		1,942			
1.8	Xây mới nhà làm việc xã đội xã Năm Nung	1	1	1,000		0,960		0,960			
1.9	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai. Hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	1	1	1,000		0,9562		1			
1.10	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	1	1	1,911		1,777		1,777			
1.11	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh xã Đắk Nang	1	1	4,000		3,942		3,942			
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	3	3	8,700	2,500	8,306	-	7,012	-	-	
	Thẩm tra	3	3	8,700	2,500	8,306	-	7,012	-	-	
2.1	Đường nội bon Ja Răh – Bon Rcập xã Năm Nung (các trục còn lại). Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa	1	1	2,500	2,500	2,454		1,500			
2.2	Trường MN Hướng dương, HM: Nhà hiệu bộ	1	1	2,500		2,255		1,966			
2.3	Trường TH Trần Quốc Toản, HM: Nhà lớp học 6 phòng, 2 tầng	1	1	3,700		3,597		3,546			

PHỤ LỤC 02A
TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG CHƯA NỢ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

DVT: Tỷ đồng

STT	Loại dự án	Chủ đầu tư	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Thời gian khởi công và hoàn thành	Thời gian công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng ngày, tháng, năm	Ghi chú
				Số dự án	TMDT được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu				
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	11	12	13
	Tổng cộng		47	47	71,580	177,379	65,401	-	53,547	-	-			
A	Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý		7	7	22,400	2,805	21,546	-	20,260	-	-			
I	Dự án hoàn thành trong năm 2021 và năm 2022		2	2	8,400	-	7,882	-	7,882	-	-			
1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đắc Sơn	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1	4,996		4,823		4,823					
2	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đắc Drô	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1	3,404		3,059		3,059					
	II Dự án hoàn thành trong năm 2023		5	5	14,000	2,805	13,664	-	12,378	-	-			
1	Trụ sở làm việc công an xã Đắc Drô	UBND xã Đắc Drô	1	1	2,000		1,949		1,948					
2	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	UBND xã Đức Xuyên	1	1	1,000		0,941		0,587					
3	Trường THCS Năm N'đir. Hạng mục : Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1	1	5,000		4,775		4					
4	Nhà văn hoá xã Buôn Choah	Phòng Văn hoá và Thông tin	1	1	3,000	1,455	3,000		3					
5	Nhà văn hoá xã Đắc Nang	Phòng Dân tộc	1	1	3,000	1,350	3,000		3					
B	Nguồn ngân sách xã quản lý		40	40	49,180	174,574	43,855	-	33,287	-	-			
I	Dự án hoàn thành năm 2022 trở về trước		12	12	18,387	-	17,088	-	15,449	-	-			
1	Sân bê tông trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú	1	1	0,119		0,119		-			18/11/2022-03/12/2022		
2	Đường bê tông vào nghĩa trang trung tâm xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú	1	1	0,312		0,312		0,226			21/11/2022-10/12/2022		
3	Đường bê tông nông thôn xã Đức Xuyên năm 2021	UBND xã Đức Xuyên	1	1	0,159		0,145		0,159					
4	Mương thoát nước đường liên xã đoạn qua thôn Nam Hà	UBND xã Năm N'Đir	1	1	0,599		0,578		0,578					
5	Đường bê tông đường thoát hiểm khu đầu giá đất	UBND xã Năm N'Đir	1	1	0,997		0,962		0,962					
6	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND xã Năm N'Đir	1	1	1,467		1,429		1,429					
7	Trường tiểu học Phan Bội Châu	UBND xã Năm N'Đir	1	1	0,593		0,571		0,571					
8	Trường THCS Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	1	1	2,400		2,355		2,355					
9	Trường Mầm Non Hoa Ban.	UBND xã Năm N'Đir	1	1	3,500		2,379		2,379					
10	Đường bê tông nông thôn xã Năm N'Đir năm 2021	UBND xã Năm N'Đir	1	1	0,155		0,154		0,154					
11	Công trình : Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Đắc Drô. Hạng mục: San lấp mặt bằng đường nội bộ	UBND xã Đắc Drô	1	1	1,199		1,199		1,199					
12	Công trình trung tâm cụm xã Đắc Drô. Hạng mục san lấp mặt bằng (mã DA 7615076)	UBND xã Đắc Drô	1	1	6,886		6,886		5,438					
	II Dự án hoàn thành năm 2023		28	28	30,794	174,574	26,767	-	17,839	-	-			
1	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THCS Quảng Phú	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	2,760	1,380	2,760		0,893			01/2023-9/2023		
2	Mái vòm trường mầm non Hoàng Anh	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,302	0,163	0,302		-			11/2023-12/2023		
3	Đường bê tông ra khu sản xuất cánh đồng Buôn K'tắc, thôn Phú Lợi	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,300	163,000	0,300		0,199			9/2023-11/2023		
4	Sân vận động trung tâm xã	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	1,350	0,729	1,350		0,204			9/2023-11/2023		
5	Xây dựng mới công tường rào nhà văn hoá thôn Phú Hưng	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,350	0,189	0,350		-			11/2023-12/2023		
6	Nâng cấp công tường rào trường Nguyễn Văn Trỗi	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	1,140	0,616	1,140		-			8/2023-10/2023		
7	Đường bê tông từ nhà tập thể Hùng Vương đến giáp đường bê tông cũ	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,350	0,184	0,350		-			11/2023-12/2023		
8	Đường bê tông ra khu sản xuất thôn Phú Lợi (sông Krông Nô 1)	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,250	0,135	0,250		-			9/2023-11/2023		
9	Đường bê tông vào khu sản xuất thôn Phú Vinh	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,768	0,323	0,768		-			11/2023-12/2023		
10	Đường nội thôn Phú Xuân	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,400	0,400	0,400		-			11/2023-12/2023		
11	Đường vào khu sản xuất thôn Phú Vinh	Ban QL CTMTQG xã Quảng Phú	1	1	0,600	0,600	0,600		-			12/2023-12/2023		
12	Duy tu, sửa chữa, cải tạo tuyến đường thôn Nam Thạnh đi thôn Nam Thành	UBND xã Nam Đà	1	1	1,098		1,098		0,800					

STT	Loại dự án	Chủ đầu tư	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định							Thời gian khởi công và hoàn thành	Thời gian công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng ngày, tháng, năm	Ghi chú	
				Số dự án	TMDT được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu				
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương				Tổng số				Trong đó: Ngân sách trung ương
13	Hệ thống nước thải chợ xã; Hạng mục: Cải tạo hệ thống thoát nước thải chợ xã Nam Đà, hồ tiêu nước mặt, cống thoát nước ngang đường trục 4 xã Nam Đà	UBND xã Nam Đà	1	1	0,880	0,880	0,880		0,880					
14	Đường giao thông thôn Đăk Tân	Ban QL CTMTQG xã Tân Thành	1	1	1,800	0,765	0,180		1,353					
15	Đường giao thông nông thôn Đăk Lưu (tiếp giáp đường nhựa đi thôn Đăk Na đến đầu suối)	Ban QL CTMTQG xã Tân Thành	1	1	1,040	0,442	1,040		0,808					
16	Trường tiểu học Phan Bội Châu (Phân hiệu Nam Ninh). Hạng mục: Công tường rào, sân gạch sửa chữa nhà vệ sinh	UBND xã Năm N'Đir	1	1	1,200		1,147,81		1,147,81					
17	Trường Mầm Non Hoa Ban. Hạng mục: Cải tạo mặt bằng tường rào, sân bê tông, bếp ăn	UBND xã Năm N'Đir	1	1	1,055		0,970		0,970					
18	Công trình: Đường giao thông khu trung tâm cụm xã Đăk Drô hạng mục: Nền mặt đường và hệ thống thoát nước (Mã dự án : 7961907)	UBND xã Đăk Drô	1	1	6,11000		6,110		5,145					
19	Nhà văn hoá Bon Yôk Ju, hạng mục: Nhà văn hoá, nhà vệ sinh, tường rào	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	1,10000	0,495	0,927		0,830		02/2023-7/2023			
20	Nhà văn hoá xã Năm Nung, hạng mục: Cống, hàng rào, sân bê tông, rãnh thoát nước, hạ tầng kỹ thuật	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	1,31000	0,635	1,024		0,988		02/2023-5/2023			
21	Nhà văn hoá thôn Nam Tiến, hạng mục: Nhà vệ sinh, giếng khoan, tường rào, sân bê tông	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	0,56700	0,255	0,477		0,427		02/2023-5/2023			
22	Công chào xã Năm Nung	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	0,80000	0,400	0,723		0,400		8/2023-11/2023			
23	Nhà văn hoá thôn Thanh Thái, hạng mục: Sửa chữa nhà văn hoá, nhà vệ sinh, công tường rào, sân bê tông	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	0,600	0,270	0,529		0,480		08/2023-12/2023			
24	Nhà văn hoá thôn Tân Lập, hạng mục: Nhà vệ sinh, công tường rào, sân bê tông, cống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	0,640	0,288	0,563		0,388		7/2023-10/2023			
25	Trường THCS Năm Nung, hạng mục: Sân trường	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	1,000	0,485	0,919		0,887		6/2023-9/2023			
26	Hỗ trợ nhà ở xã Năm Nung, hạng mục: Nhà cấp IV	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	0,590	0,200	0,590		0,220					
27	Tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật để cấp nhà ở cho hộ nghèo DTTS chưa có đất ở	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	1,843	1,388	1,616		1,484					
28	Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà Nhà văn hoá Bon Ja Răh	Ban QLCTMTQG xã Năm Nung	1	1	0,590	0,352	0,551		0,482					

PHỤ LỤC 03
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2024			Vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 13/6/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ước thực hiện KH vốn đầu tư đến 30/6/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng	Theo Kế hoạch vốn	Theo vốn đã vổ trí	Tổng số	Trong đó		Theo KH vốn	Theo vốn đã bố trí		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Tr dó: NSNN	Kế hoạch năm 2024								Kế hoạch năm 2023 kéo dài	Thanh toán KLHT				Tạm ứng
	TỔNG CỘNG							399.521	399.221	189.104	185.753	84.313	84.303	10	66.868	36.225	31.662	4.254	42,97%	54,17%	57.856	57.856	-	68,62%	86,52%	
A	NGUỒN VỐN TÍNH QUAN LÝ VÀ PHÂN BỐ							283.185	283.185	154.879	128.306	42.199	42.199	-	42.199	22.748	18.505	3.932	53,91%	53,91%	37.503	37.503	-	88,87%	88,87%	-
I	VỐN ĐTVT NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							123.185	123.185	53.179	70.006	20.500	20.500	-	20.500	13.505	9.772	3.732	65,88%	65,88%	17.503	17.503	-	85,38%	85,38%	-
I.1	Nguồn cân đối NS địa phương							123.185	123.185	53.179	70.006	20.500	20.500	-	20.500	13.505	9.772	3.732	65,9%	65,9%	17.503	17.503	-	85,38%	85,38%	-
1	Công trình thanh toán nợ							19.700	19.700	14.839	4.861	2.370	2.370	-	2.370	1.930	1.930	-	81,4%	81,4%	1.930	1.930	-	81,44%	81,44%	-
1.2	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang	7865915	xã Đắk Nang	Ban QLDA&PTQĐ		2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	14.700	10.200	4.500	2.220	2.220		2.220	1.913	1.913		86,16%	86,16%	1.913	1.913		86,16%	86,16%	
1.6	Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành	7929466	Xã Tân Thành	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	2039/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	5.000	5.000	4.639	361	150	150		150	17	17		11,58%	11,58%	17	17		11,58%	11,58%	
2	Công trình chuyển tiếp							103.485	103.485	38.340	65.145	18.130	18.130	-	18.130	11.575	7.842	3.732	63,84%	63,84%	15.572	15.572	-	85,89%	85,89%	-
2.1	Đường giao thông từ Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (ĐH 65)	7865917	Xã Nam Đà, Đắk Drô	Ban QLDA&PTQĐ		2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	20.000	13.100	6.900	4.630	4.630		4.630	3.964	3.640	324	85,61%	85,61%	3.964	3.964		85,61%	85,61%	-
2.2	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (Đ10) huyện Krông Nô	7866148	TT Đắk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ		2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 31/11/2021	30.000	30.000	4.802	25.198	3.500	3.500		3.500	3.409	3.409	3.409	97,39%	97,39%	3.409	3.409		97,39%	97,39%	-
2.3	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV(1959-1975) tại Năm Nung tỉnh ĐắkNông	7929833	huyện Krông nô	Ban QLDA&PTQĐ		2022-2024	2058/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	10.000	10.000	2.232	7.768	4.000	4.000		4.000	55	55		1,37%	1,37%	2.800	2.800		70,00%	70,00%	-
2.4	Đường giao thông xã Đắk Drô đi xã Tân Thành huyện Krông Nô(ĐH66)		Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	1517/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	20.000	20.000	5.500	14.500	2.000	2.000		2.000	2.000	2.000		100,00%	100,00%	2.000	2.000		100,00%	100,00%	-
2.5	Hồ Đắk Ri 2 xã Tân Thành huyện Krông Nô	7929520	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	2365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	8.800	6.200	2.000	2.000		2.000	1.579	1.579		78,97%	78,97%	2.000	2.000		100,00%	100,00%	-
2.6	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nong tại điểm số 8 (núi lửaNăm Kar) và điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa)	7909634	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2023	2201/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.485	8.485	3.906	4.579	2.000	2.000		2.000	568	568		28,41%	28,41%	1.400	1.400		70,00%	70,00%	-
II	NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH TW							160.000	160.000	101.700	58.300	21.699	21.699	-	21.699	9.243	8.733	200	42,60%	42,60%	20.000	20.000	-	92,17%	92,17%	-
1	Công trình chuyển tiếp							160.000	160.000	101.700	58.300	21.699	21.699	-	21.699	9.243	8.733	200	42,60%	42,60%	20.000	20.000	-	92,17%	92,17%	-
1.1	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	7.929.467	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021; 2052/QĐ -UBND	80.000	80.000	33.700	46.300	14.699	14.699		14.699	3.014	2.814	200	20,51%	20,51%	13.000	13.000		88,44%	88,44%	
1.2	Đường giao thông từ thị trấn ĐắkMâm đi xã Năm Nung và xã Năm Ndir huyện Krông Nô(ĐH57)	7.929.462	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ -UBND	80.000	80.000	68.000	12.000	7.000	7.000		7.000	6.229	5.919	310	88,98%	88,98%	7.000	7.000		100,00%	100,00%	
B	NGUỒN VỐN HUYỆN QUAN LÝ VÀ PHÂN BỐ							116.336	116.036	34.225	57.447	40.872	40.862	10	23.427	13.477	13.156	321	32,97%	57,53%	19.783	19.783	-	48,40%	84,44%	
B.1	NGUỒN VỐN TÍNH PHÂN CẤP							37.700	37.400	14.543	23.157	14.819	14.819	-	14.819	9.925	9.925	-	66,97%	66,97%	12.755	12.755	-	86,07%	86,07%	
I	Công trình thanh toán nợ							1.000	1.000	587	413	354	354	-	354	345	345	-	97,52%	97,52%	345	345	-	97,52%	97,52%	

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2024			Vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 13/6/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ước thực hiện KH vốn đầu tư đến 30/6/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng	Theo Kế hoạch vốn	Theo vốn đã bố trí	Tổng số	Trong đó		Theo KH vốn	Theo vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2023 kéo dài								Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
1	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	8000378	Xã Đức Xuyên	UBND Đức Xuyên	Nhà làm việc cấp IV	2022-2025	3203/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.000	1.000	587	413	354	354	354	345	345		97,52%	97,52%	345	345		97,52%	97,52%		
II	Công trình chuyển tiếp							30.700	30.400	13.956	16.744	12.410	12.410	-	12.410	9.579	9.579	-	77,19%	77,19%	12.410	12.410	-	100,00%	100,00%	
1	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choaoh	8001448	Xã Buôn Choaoh	UBND xã Buôn Choaoh	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của	2023-2025	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	3.500	800	2.700	1.100	1.100	1.100	1.079	1.079		98,06%	98,06%	1.079	1.079		98,06%	98,06%		
2	Trụ sở làm việc công an xã Nam Đà	7004692	Xã Nam Đà	UBND xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của	2023-2025	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500	3.500	1.500	2.000	1.950	1.950	-	1.950	1.332	1.332	-	68,31%	68,31%	1.560	1.560		80,00%	80,00%	
3	Trụ sở làm việc công an xã Nam Xuân	7004692	Xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2023-2025	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500	3.500	1.500	2.000	1.900	1.900		1.900	264	264		13,89%	13,89%	1.520	1.520		80,00%	80,00%	
4	Trường TH Trần Quốc Toản	7998401	Xã Tân Thành	Ban QLCCDA & PTQĐ	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	2023-2025	3224/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	3.700	3.700	1.076	2.624	2.594	2.594	2.594	2.490	2.490		96,00%	96,00%	2.594	2.594		100,00%	100,00%		
5	Nhà văn hoá xã Đăk Nang	7972155	Xã Đăk Nang	Phòng Dân tộc	Hội trường 200 chỗ ngồi	2022-2025	3143/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	3.000	2.700	1.200	1.800	150	150		135	135		90,04%	90,04%	150	150		100,00%	100,00%		
6	Đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận	7998398	Xã Nam Đà	Ban QLCCDA & PTQĐ	Nâng cấp 2,5 km đường	2023-2025	3226/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.500	8.500	3.930	4.570	3.896	3.896	3.896	3.734	3.734	3.734		95,83%	95,83%	3.734	3.734		95,83%	95,83%	
7	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choaoh, xã Buôn Choaoh	7997292	Xã Buôn Choaoh	Phòng NN&PTNT	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2022-2023	3141/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	5.000	5.000	3.950	1.050	820	820	820	546	546		66,59%	66,59%	656	656	-	80,00%	80,00%		
III	Công trình mở mới							6.000	6.000	-	6.000	2.055	2.055	-	2.055	-	-	-	0,00%	0,00%	-	-	-	0,00%	0,00%	
1	Nhà làm việc xã đội xã Đăk Nang	8065512	Xã Đăk Nang	UBND xã Đăk Nang	Nhà làm việc cấp IV	2024-2025	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000		1.000	500,00	500		500	-	-		0,00%	0,00%	-	-		0,00%	0,00%	
2	Trụ sở làm việc công an xã Đức Xuyên	7004692	Xã Đức Xuyên	UBND xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2024-2025	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500		3.500	1.000	1.000		1.000	-	-		0,00%	0,00%	-	-		0,00%	0,00%	
3	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo	7004692	Xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo	2024-2025	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500		1.500	555	555		555				0,00%	0,00%	-	-		0,00%	0,00%	
B.2	NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN							78.636	78.636	19.682	34.290	26.053	26.043	10	8.608	3.553	3.232	321	13,64%	41,27%	7.028	7.028	-	26,97%	81,64%	
B.2.1	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							78.636	78.636	19.682	34.290	26.053	26.043	10	8.608	3.553	3.232	321	13,64%	41,27%	7.028	7.028	-	26,97%	81,64%	
I	Công trình chuyển tiếp							28.900	28.900	19.682	9.218	8.598	8.598	-	8.598	3.553	3.232	321	41,32%	41,32%	7.018	7.018	-	81,62%	81,62%	
1	Trường MN Hướng Dương	7998402	Xã Tân Thành	Ban QLCCDA & PTQĐ	Nhà hiệu bộ	2023-2025	3223/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	2.500	2.500	1.966	534	386	386		386	63	13	50	16,24%	16,24%	386	386		100,00%	100,00%	
2	Đường Võ Văn Kiệt và đường Trần Hưng Đạo, hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện	7998400	TT Đăk Mâm	Ban QLCCDA & PTQĐ	Nâng cấp, cải tạo 0,7km đường đô thị	2023-2025	3225/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	7.000	7.000	4.800	2.200	2.104	2.104		2.104	581	500	81	27,63%	27,63%	1.473	1.473		70,00%	70,00%	
3	Đường từ thôn Xuyên Hà đến công ngầm Đăk Nang	7998404	Xã Đức Xuyên	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	Nâng cấp 2km đường giao thông nông thôn.	2023-2025	3204/QĐ-UBND ngày	4.000	4.000	2.000	2.000	1.960	1.960		1.960	1.839	1.839		93,85%	93,85%	1.839	1.839		93,85%	93,85%	
4	Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang	7998403	Xã Đăk Nang	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	Nâng cấp 850m đường giao thông.	2023-2025	3205/QĐ-UBND ngày	2.500	2.500	1.500	1.000	962	962		962	-	-		0,00%	0,00%	962	962		100,00%	100,00%	
5	Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà Ông Đoàn Văn Dự	7999710	Xã Đăk Nang	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 1.200m kênh	2023-2025	3142/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	2.900	2.900	1.450	1.450	1.271	1.271		1.271	879	879		69,19%	69,19%	1.017	1.017		80,00%	80,00%	
6	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị Đăk Mâm	7998399	TT Đăk Mâm	Ban QLCCDA & PTQĐ	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và hệ thống thoát nước đô thị.	2023-2025	3242/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	10.000	10.000	7.966	2.034	1.915	1.915		1.915	190		190	9,92%	9,92%	1.341	1.341		70,00%	70,00%	
II	Công trình mở mới							49.736	49.736	-	25.072	17.485	17.445	10	10	-	-	-	0,00%	0,00%	10	10	-	0,06%	100,00%	

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2024			Vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 13/6/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)			Ước thực hiện KH vốn đầu tư đến 30/6/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)			Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2023 kéo dài		Tổng số	Trong đó		Theo Kế hoạch vốn	Theo vốn đã vố trí		Tổng số	Trong đó		Theo KH vốn	Theo vốn đã bố trí			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN								Thanh toán KLHT	Tạm ứng		Thanh toán KLHT	Tạm ứng		Thanh toán KLHT	Tạm ứng					
2	Trần TH Trần Phú	8083680	TT Đắk Mâm	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2024-2025	724/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	4.500	4.500		12.900	2.000	2.000	-	-	-	0,00%						0,00%						
2.1	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	8070802	Xã Năm Nung	Ban QLDA&PTQĐ	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2024-2025	1298/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	4.500	4.500		4.500	1.100	1.100		-			0,00%					-			0,00%			
2	Lĩnh vực thủy lợi (phân bổ chi tiết sau)							4.200	4.200	-	4.200	3.500	3.500	-				0,00%					-	-	-		0,00%		
3	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	8064222	TT Đắk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	2024-2025	193/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	33.300	33.300		236	8.830	8.830		-	-		0,00%					-				0,00%		
4	Đổi ứng Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)		các xã trong huyện	Phòng LĐT&XH		2024		236	236		236	25	15	10	10	-			0,00%				10	10		40,00%	100,00%		
5	Lĩnh vực bảo vệ môi trường (Phân bổ chi tiết sau)							3.000	3.000	-	3.000	2.000	2.000		-			0,00%									0,00%		
C	NGÂN SÁCH XÃ							-	-	-	-	1.242	1.242	-	1.242	-	-	-	0,00%	0,00%			571	571	-	45,95%	45,95%		
I	Xã Quảng Phú							-	-	-	-	123	123	-	123	-	-	-	0,00%	0,00%			123	123	-	100,00%	100,00%		
1	Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ công an: Mô rộng trường TH Bê Văn Đàn	8080180	Xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú		2023-2024						123	123		123				0,00%	0,00%			123,27	123		100,00%	100,00%		
II	Xã Đắk Sôr											1.119	1.119	-	1.119	-	-	-	0,00%	0,00%			447,51	447,51	-	40,00%	40,00%		
1	Trụ sở UBND xã Đắk Sôr, HM: Kho lưu trữ, nhà xe, khuôn viên cảnh quan	8087336	Xã Đắk Sôr	UBND xã Đắk Sôr		2.024,00						719	719		719				0,00%	0,00%			287,51	288		40,00%	40,00%		
2	Nhà văn hoá xã Đắk Sôr	8087335	Xã Đắk Sôr	UBND xã Đắk Sôr		2.024,00						400	400		400				0,00%	0,00%			160,00	160		40,00%	40,00%		

PHỤ LỤC 06

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025 THUỘC NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ PHẦN THEO NGUỒN VỐN

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế bố trí vốn đến 6/2024			Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN		Vốn NSNN	Vốn huy động		
	TỔNG CỘNG (A+B+C)						257.663	257.663	24.746	24.771	-	129.416	
A	NGUỒN VỐN TỈNH PHÂN CẤP NĂM 2025						59.709	59.709	19.246	19.246	-	22.916	
I	Công trình chuyển tiếp						28.709	28.709	19.246	19.246	-	4.706	
1	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng						6.000	6.000	2.055	2.055	-	1.395	
1.1	Nhà làm việc xã đội xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	UBND xã Đăk Nang	Nhà làm việc cấp IV	2024-2025	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000	500	500		450	
1.2	Trụ sở làm việc công an xã Đứk Xuyên	Xã Đứk Xuyên	UBND xã Đứk Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2024-2025	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500	1.000	1.000		800	
1.3	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo	Xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo	2024-2025	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500	555	555		145	
2	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						9.209	9.209	4.595	4.595	-	2.457	
2.2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, HM: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề	TT Đăk Mâm	Phòng LĐTB&XH	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề	2023-2025	1094/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	4.709	4.709	2.595	2.595		301	
1.1	Trần TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2024-2025	724/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	4.500	4.500	2.000	2.000		2.156	
3	Lĩnh vực giao thông						8.500	8.500	7.826	7.826	-	674	
3.1	Đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận	Xã Nam Đà	Ban QLCLĐA & PTQĐ	Nâng cấp 2,5 km đường	2023-2025	3226/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.500	8.500	7.826	7.826		674	
4	Lĩnh vực cấp, thoát nước						5.000	5.000	4.770	4.770	-	180	
4.1	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng NN&PTNT	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2022-2023	3141/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	5.000	5.000	4.770	4.770		180	
II	Công trình mở mới						31.000	31.000	0	0	0	18.210	
1	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng						10.500	10.500	0	0	0	4.679	
1.1	Trụ sở làm việc công an xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	UBND xã Năm N'Đir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2025-2026	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500				1.950	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế bố trí vốn đến 6/2024			Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN		Vốn NSNN	Vốn huy động		
1.2	Trụ sở làm việc công an xã Đắk Nang	Xã Đắk Nang	UBND xã Đắk Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2025-2026	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500				1.000	
1.3	Trụ sở làm việc công an xã Đắk Sôr	Xã Đắk Sôr	UBND xã Đắk Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2025-2026	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500				1.729	
2	Lĩnh vực giao thông						2.700	2.700	-	-	-	2.566	
2.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đắk Vượng	TT Đắk Mâm	UBND TT Đắk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 600m đường GT nông thôn, cấp B	2025-2026	245/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.400	1.400				1.366	
2.2	Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh	TT Đắk Mâm	UBND TT Đắk Mâm	Nâng cấp 650m đường giao thông nông thôn, cấp B.	2025-2026	224/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.300	1.300				1.200	
3	Lĩnh vực cấp, thoát nước						7.000	7.000	-	-	-	4.955	
3.1	Công trình cấp nước Bon Đắk Prí, xã Năm N'Dir	xã Năm N'Dir	Ban QLCS & PTQĐ	Cấp nước 350 hộ	2025-2026	235/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	7.000	7.000				4.955	
4	Lĩnh vực thủy lợi						6.800	6.800	0	0	0	5.010	
4.1	Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng NN&PTNT	Tưới bổ trợ cho 40 ha	2025	234/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	5.000				3.300	
4.2	Kênh chính và kênh đất cánh đồng bon Choih	Xã Đứk Xuyên	Phòng NN&PTNT	Nâng cấp sửa chữa 1.300m kênh	2025	233/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.800				1.710	
5	Lĩnh vực văn hoá						4.000	4.000	-	-	-	1.000	
5.1	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	Phòng Văn hoá và Thông tin	Xây dựng 01 công chào điện tử; 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí	2025	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	4.000	-			1.000	
B	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						170.454	170.454	5.500	5.525	-	91.500	
B.1	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT						170.454	170.454	5.500	5.525	-	91.500	
I	Công trình chuyển tiếp						6.700	6.700	5.500	5.500	-	950	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						2.500	2.500	2.000	2.000	-	250	
1.1	Trường Tiểu học Trần Phú	TT Đắk Mâm	Phòng giáo dục và Đào tạo	Nhà hiệu bộ	2024-2025	212/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500	2.000	2.000		250	
3	Lĩnh vực thủy lợi						4.200	4.200	3.500	3.500	-	700	
2.1	Kênh và công trình trên kênh cánh đồng bon K' Tăh	Xã Quảng Phú	Phòng NN&PTNT	Kênh và công trình phụ trợ 1,3km	2024-2025		4.200	4.200	3.500	3.500		700	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế bố trí vốn đến 6/2024			Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN		Vốn NSNN	Vốn huy động		
II	Công trình mở mới						121.336	121.336	-	25	-	48.132	
1	Lĩnh vực văn hoá						30.000	30.000	-	-	-	10.000	
1.1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Krông Nông	TT Đăk Mâm	Ban QLCTDA & PTQT	Nhà văn hoá trung tâm; Công trình dân dụng, cấp III (2 tầng); Các hạng mục phụ trợ khác gồm: Bể bơi ngoài trời; Sân thể thao; Nhà bảo vệ, nhà xe, Sân đường nội bộ, hoa viên, công nghệ; Hạ tầng kỹ thuật khác và Trang thiết bị	2025-2026		30.000	30.000	-			10.000	
2	Lĩnh vực thủy lợi						1.800	1.800	-	-	-	1.000	
2.2	Xây mới tuyến kênh 327, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Phòng NN&PTNT	Đầu tư khoảng 700m kênh.	2025-2026	253/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.800	-			1.000	
3	Lĩnh vực quản lý nhà nước						19.536	19.536	-	25	-	4.132	
3.1	Đổi ứng Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	các xã trong huyện	Phòng LĐTB&XH		2024-2025		236	236		25		4	
3.2	Trung tâm xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Ban QLDA&PTQT	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt	2025-2026	191/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	10.300	10.300				2.128	
3.3	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Ban QLDA&PTQT	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	2025-2026	190/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	9.000	9.000				2.000	
4	Lĩnh vực kiến thiết thị chính						70.000	70.000	0	0	0	33.000	
4.1	Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Ban QLDA&PTQT				70.000	70.000				33.000	vốn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao 33 tỷ đồng
III	Chi đầu tư khác						42.418	42.418	0	0	0	42.418	
1	Hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất						10.915	10.915				10.915	
2	Chuyển về quỹ đất tỉnh (20% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh)						31.503	31.503				31.503	Hoàn trả nguồn vốn đến bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1) và trả các năm trước chưa trích
C	NGUỒN TỈNH HỖ TRỢ						27.500	27.500	0	0	0	15.000	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế bố trí vốn đến 6/2024			Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN		Vốn NSNN	Vốn huy động		
I	Công trình chuyển tiếp												
1	Lĩnh vực an ninh - Quốc phòng												
1.1	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah		Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	3.500				1.500	
1.2	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú		Sửa chữa, cải tạo.		93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500				800	
1.3	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên		Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2021-2025	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500				1.500	
II	Công trình mở mới						19.000	19.000	0	0	0	11.200	
1	Lĩnh vực an ninh - Quốc phòng						15.000	15.000	0	0	0	8.200	
1.1	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà ở doanh trại, bếp ăn tập thể, kho vật chứng	Xã Tân Thành		Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		92/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	700	700				700	
1.2	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Sờ	Xã Đắc Sờ		Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2021-2025	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500				1.500	
1.3	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Dir	Xã Năm N'Dir		Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2021-2025	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	4.300	4.300				1.500	
1.4	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang		Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2021-2025	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	3.500				1.500	
1.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Drô, hạng mục: Công vào trụ sở; mở rộng sân bê tông; nhà để xe và đường nội bộ	Xã Đắc Drô		Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500				1.500	

STT	TÊN DANH MỤC	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Luỹ kế bố trí vốn đến 6/2024			Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN		Vốn NSNN	Vốn huy động		
1.6	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung			Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh		84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500				1.500	
2	Lĩnh vực văn hoá						4.000	4.000	-	-	-	3.000	
2.1	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	Phòng Văn hoá và Thông tin	Xây dựng 01 công chào điện tử; 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí	2025	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	4.000	-			3.000	

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	DU TOÀN ĐƯỢC GIAO														KẾT QUẢ GIẢI NGÂN LƯY KẾ ĐẾN NGÀY 13/6/2024														ƯỚC GIẢI NGÂN LƯY KẾ ĐẾN NGÀY 30/6/2024														Tổng lệ giải ngân gd 2021- 2023 ước đến 30/6/20 24	Tỷ lệ giải ngân			
		NĂM 2022						NĂM 2023						Năm 2022							Năm 2023							Năm 2022						Năm 2023														
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Tổng số	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương				Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương				Tổng số	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương												
			Tổng số	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp														
8	UBND xã Năm Nung	7.460,0	2.810	1.405	1.380	25	1.405	1.380	25	4.650	2.725	2.500	225	1.925	1.700	225	2.266	1.390	1.380	10	876	866	10	80,63%	2.998	1.843	1.842,50	1.155	1.155,00	64,46%	5.263	71%	2.266	1.390	1.380	10	876	866	10	80,63%	3.498	2.343	2.343	1.155	1.155	75,22%	5.763	77,25%
9	UBND xã Đức Xuyên	9.540,0	3.640	1.820	1.795	25	1.820	1.795	25	5.900	3.500	3.300	200	2.400	2.200	200	3.007	1.795	1.795	-	1.212	1.212		82,62%	1.436	1.436	1.436	-	-	24,33%	4.443	47%	3.007	1.795	1.795	-	1.212	1.212	10	82,62%	2.436	1.436	1.436	1.000	1.000	41,28%	5.443	57,05%
10	UBND xã Đắk Nang	4.696,0	350	175	150	25	175	150	25	4.346	2.646	2.446	200	1.700	1.500	200	291	160	150	10	131	121	10	83,28%	3.596	2.446	2.446	1.151	1.151	82,75%	3.888	83%	291	160	150	10	131	121	10	83,28%	3.596	2.446	2.446	1.151	1.151	82,75%	3.888	82,79%
11	UBND xã Quảng Phú	7.367,0	2.810	1.405	1.380	25	1.405	1.380	25	4.557	2.700	2.500	200	1.857	1.657	200	2.667	1.380	1.380	-	1.287	1.287		94,90%	2.789	1.772	1.772	1.017	1.017	61,20%	5.456	74%	2.667	1.380	1.380	-	1.287	1.287	10	94,90%	3.289	2.272	2.272	1.017	1.017	72,17%	5.956	80,84%

